

PHỤ LỤC SỐ 04
THÔNG BÁO TUYỂN SINH
CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025
(Kèm theo Công văn số 56 /ĐHYTCC-QLĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng

Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh và Đào tạo năm học 2025, Trường Đại học Y tế công cộng thông báo tuyển sinh các chương trình đào tạo sau đại học như sau:

1. Tiến sĩ Y tế công cộng;
2. Tiến sĩ Quản lý bệnh viện;
3. Chuyên khoa cấp II Tổ chức Quản lý Y tế;
4. Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng
5. Thạc sĩ Y tế công cộng;
6. Thạc sĩ Quản lý bệnh viện;
7. Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm Y học;
8. Thạc sĩ Dinh dưỡng;
9. Thạc sĩ Công tác xã hội.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

1. Tiến sĩ Y tế công cộng và Tiến sĩ Quản lý bệnh viện

1.1 Ngành tuyển sinh:

- Tiến sĩ Y tế công cộng
- Tiến sĩ Quản lý bệnh viện

1.2. Điều kiện về văn bằng

- Đối với Tiến sĩ Y tế công cộng:

- + Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc thạc sĩ ngành phù hợp: Y tế công cộng.
- + Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc thạc sĩ các ngành thuộc Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở các ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ (trừ ngành Y tế công cộng): phải có chứng chỉ chương trình Bổ sung kiến thức chuyên

ngành Y tế công cộng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Đối với Tiến sĩ Quản lý bệnh viện:

- + Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc có bằng thạc sĩ ngành phù hợp: Quản lý/Quản trị bệnh viện, Quản lý Y tế, Tổ chức và quản lý Y tế
- + Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc thạc sĩ các ngành thuộc Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ ngành Quản lý/Quản trị bệnh viện, Quản lý Y tế, Tổ chức và quản lý Y tế) hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở các ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù (trừ ngành Quản lý/Quản trị bệnh viện, Quản lý Y tế, Tổ chức và quản lý Y tế) theo quy định của Chính phủ phải có chứng chỉ chương trình Bổ sung kiến thức chuyên ngành quản lý y tế do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

1.3. Điều kiện về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học

Thí sinh phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu, hoặc
- Có bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành (đối với bài báo trong nước, cần nằm trong danh mục tạp chí do Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận tính tại thời điểm công bố) hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành, hoặc
- Có thời gian công tác từ 24 tháng trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

1.4. Có đề cương nghiên cứu theo mẫu của Trường Đại học Y tế công cộng (xem chi tiết trên website của Trường tại đường link: <https://dtdh.huph.edu.vn/vi/node/64260>)

- Đối với ngành Y tế công cộng: chủ đề nghiên cứu tập trung vào các vấn đề y tế công cộng, y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, chăm sóc sức khỏe cho người dân (ví dụ dịch tễ học, sức khỏe môi trường - nghề nghiệp, kinh tế y tế, quản lý và chính sách y tế, ... áp dụng trong chăm sóc sức khỏe cụ thể).

- Đối với ngành Quản lý bệnh viện: chủ đề nghiên cứu tập trung vào lĩnh vực quản lý bệnh viện, hoặc quản lý cơ sở chăm sóc sức khỏe như quản lý chất lượng, quản lý nhân lực, quản lý tài chính, quản lý trang thiết bị, quản lý cơ sở hạ tầng bệnh viện,...

1.5. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ:

- ***Người dự tuyển là công dân Việt Nam*** phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- a. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
- b. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- c. Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo qui định tại điểm c: hình thức đánh giá thông qua phỏng vấn ngắn tiếng Anh tại Hội đồng xét tuyển đầu vào để đánh giá khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

- ***Người dự tuyển là công dân nước ngoài*** phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài còn hạn theo qui định và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định của Trường Đại học Y tế công cộng áp dụng cho người dự tuyển là công dân Việt Nam nêu trên.

1.6. Về thâm niên công tác: đối với cả hai ngành Y tế công cộng và Quản lý bệnh viện, người dự tuyển có thâm niên công tác tối thiểu 1 năm kinh nghiệm (tính đến ngày đăng ký dự tuyển) có liên quan đến lĩnh vực chăm sóc và nâng cao sức khỏe là một lợi thế trong quá trình xét tuyển. Đối với thí sinh xét tuyển

Tiến sĩ Quản lý bệnh viện: có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản lý liên quan đến chăm sóc sức khỏe sẽ là lợi thế trong quá trình xét duyệt.

1.7 Chỉ tiêu tuyển sinh

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025 đối với từng ngành:

- Tiến sĩ Y tế công cộng: 10 chỉ tiêu
- Tiến sĩ Quản lý bệnh viện: 10 chỉ tiêu

2. Chuyên khoa cấp II Tổ chức Quản lý Y tế:

- Điều kiện về văn bằng

- + Về thâm niên chuyên môn để dự thi: Sau khi tốt nghiệp Chuyên khoa I (CKI) hoặc 36 tháng sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ.
- + Về văn bằng:
 - Có bằng tốt nghiệp CKI hoặc Thạc sĩ các ngành tương ứng bao gồm: Tổ chức quản lý Y tế, Quản lý bệnh viện, Y tế công cộng.
 - Những thí sinh có bằng CKI hoặc Thạc sĩ gồm các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe (trừ nhóm ngành Dược học) quy định trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) (trừ 3 ngành tương ứng) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, phải có chứng chỉ lớp Bổ sung kiến thức chuyên ngành Y tế công cộng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày đăng ký dự thi tuyển sinh.

- Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu.

- Điều kiện miễn thi môn Tiếng Anh

- + Điều kiện miễn thi ngoại ngữ: Thí sinh có thời gian công tác 03 năm trở lên liên tục tại các khu vực sau (theo bảng phân chia khu vực theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành): a) tất cả các thí sinh đang công tác tại khu vực 1; b) thí sinh không phải người dân tộc Kinh, công tác tại khu vực 2 nông thôn. Thí sinh đạt trình độ tương đương từ bậc 3 trở lên của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 về ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) được miễn thi tuyển; thí sinh có thể tự học nhưng phải dự thi đạt chuẩn đầu ra. Thí sinh có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành Tiếng Anh hoặc ngôn ngữ Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ sau đại học mà chương trình được thực hiện bằng tiếng Anh.

*** Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025: 129 chỉ tiêu.**

3. Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng:

- Điều kiện về văn bằng

- + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Y tế công cộng.
- + Thí sinh có bằng đại học thuộc các ngành khác trong Danh mục ngành phù hợp: gồm các ngành được quy định trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phải có chứng chỉ Bổ sung kiến thức chuyên ngành Y tế công cộng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày đăng ký dự thi tuyển sinh.

- **Kinh nghiệm thâm niên công tác:** Có ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực y tế tính đến ngày đăng ký dự thi tuyển sinh.

- Có đủ sức khỏe để học tập

** Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025: 42 chỉ tiêu*

4. Thạc sĩ

4.1. Ngành tuyển sinh:

- Thạc sĩ Y tế công cộng
- Thạc sĩ Quản lý bệnh viện
- Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm y học
- Thạc sĩ Dinh dưỡng
- Thạc sĩ Công tác xã hội

4.2. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

a. Thí sinh cần đáp ứng các điều kiện về văn bằng sau:

- **Thạc sĩ Y tế công cộng** (Chương trình đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng các Trường Đại học Đông Nam Á (AUN) lần 2 năm 2023)

- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành Y tế công cộng; hoặc
- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành thuộc Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ ngành y tế công cộng) đã học bổ sung kiến thức

chuyên ngành Y tế công cộng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

- **Thạc sĩ Quản lý bệnh viện** (Chương trình đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng các Trường Đại học Đông Nam Á (AUN) lần 2 năm 2023)

- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành Tổ chức và quản lý Y tế, Quản lý/Quản trị bệnh viện; hoặc
- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành thuộc Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ ngành Tổ chức và quản lý Y tế, Quản lý/Quản trị bệnh viện) đã học bổ sung kiến thức chuyên ngành Quản lý y tế do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

- **Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm Y học** (Chương trình đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo năm 2024)

- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học; hoặc
- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành: *Sinh học, Công nghệ sinh học, Hóa học, Công nghệ hóa học, Dược* và những ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe (trừ ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học) và đã học bổ sung kiến thức chuyên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

- **Thạc sĩ Dinh dưỡng**

- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp: Dinh dưỡng
- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành *Cử nhân Hóa thực phẩm, Công nghệ thực phẩm, Sinh học, Công nghệ sinh học, Công nghệ chế biến thực phẩm, Kỹ thuật thực phẩm, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm* và những ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe (trừ ngành dinh dưỡng) và đã học bổ sung kiến thức chuyên ngành Dinh dưỡng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

- Thạc sĩ Công tác xã hội

- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành Công tác xã hội;
- + Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành thuộc Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học) và Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ giáo dục đại học theo quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ ngành Công tác xã hội) đã học bổ sung kiến thức chuyên ngành Công tác xã hội do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.
- *Lưu ý: Thí sinh dự kiến theo học định hướng nghiên cứu của 5 NGÀNH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NÓI TRÊN (sẽ đăng ký sau khi trúng tuyển) cần tốt nghiệp đại học loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Chi tiết về Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và ứng dụng tham khảo tại đường link: <https://dtdh.huph.edu.vn/vi/dtsdh>.*

b) Có đủ sức khỏe để học tập

c) Đối với ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên)

d) Điều kiện miễn thi tiếng Anh

Thí sinh được miễn thi môn tiếng Anh nếu có các văn bằng, chứng chỉ sau:

- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng tiếng Anh;
- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Y tế công cộng cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu tiếng Anh đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- + Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển như sau:

4.3 Chỉ tiêu tuyển sinh

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025 đối với từng ngành:

- Thạc sĩ Y tế công cộng: 125 chỉ tiêu
- Thạc sĩ Quản lý bệnh viện: 75 chỉ tiêu

- Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm Y học: 65 chỉ tiêu.
- Thạc sĩ Dinh dưỡng: 40 chỉ tiêu
- Thạc sĩ Công tác xã hội: 25 chỉ tiêu

II. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO CHUẨN

1. Tiến sĩ Y tế công cộng: từ 3 - 4 năm.
2. Tiến sĩ Quản lý bệnh viện: từ 3 - 4 năm.
3. Chuyên khoa cấp II Tổ chức Quản lý Y tế: 2 năm.
4. Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng: 2 năm.
5. Thạc sĩ Y tế công cộng: 18 tháng.
6. Thạc sĩ Quản lý bệnh viện: 18 tháng.
7. Thạc sĩ Xét nghiệm kỹ thuật Y học: 18 tháng.
8. Thạc sĩ Dinh dưỡng: 18 tháng
9. Thạc sĩ Công tác xã hội: 18 tháng

III. THỦ TỤC TUYỂN SINH

1. Các môn thi tuyển và kinh phí thi tuyển

1.1. Các môn thi

1.1.1. Đối với thí sinh dự thi Tiến sĩ: theo hình thức xét tuyển

- Xét duyệt hồ sơ về các điều kiện văn bằng, nghiên cứu khoa học và điều kiện ngoại ngữ theo quy định
- Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu trước hội đồng xét tuyển và kiểm tra năng lực tiếng anh (nếu có).

1.1.2. Đối với thí sinh dự thi Thạc sĩ, CKI và CKII

Tên ngành	Môn 1 (120 phút)	Môn 2 (120 phút)
Thạc sĩ Y tế công cộng	Dịch tễ - Sức khỏe Môi trường	Tiếng Anh (trình độ B1): Thời gian thi: 120 phút, nội dung thi: 2 kỹ năng: đọc và viết
Thạc sĩ Quản lý bệnh viện	Tổ chức quản lý y tế	
Thạc sĩ Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Vi sinh – Hóa sinh – Huyết học	
Thạc sĩ Dinh dưỡng	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	
Thạc sĩ Công tác xã hội	Các phương pháp can thiệp của công tác xã hội	
CKII Tổ chức Quản lý Y tế	Tổ chức và quản lý y tế	Toán thống kê
CKI Y tế công cộng	Tổ chức quản lý y tế	

1.2. Thời gian ôn tập

Dự kiến từ 13/6/2025 đến 27/7/2025 (thí sinh có thể theo dõi Thông báo khai giảng lớp ôn thi trên website tuyển sinh của Trường Đại học Y tế công cộng: <http://tuyensinh.huph.edu.vn>)

1.3. Kinh phí ôn tập và thi tuyển tại Trường Đại học Y tế công cộng:

*** Đối với thí sinh thi tuyển trình độ Thạc sĩ và CKI YTCC, CKII**

TCQLYT:

- Kinh phí đăng ký dự thi: 60.000đ/1 thí sinh.
- Kinh phí hồ sơ: 60.000đ/1 hồ sơ
- Kinh phí thi tuyển: 120.000đ/môn.
- Học phí ôn tập:

STT	Môn học	Học phí trong giờ/môn	Học phí ngoài giờ/môn
1	Toán thống kê (CKI)	1.200.000 đ	1.800.000 đ
2	Tiếng Anh (ThS, CKII)	1.200.000 đ	1.800.000 đ
3	Tổ chức quản lý y tế (ThS, CKI, CKII)	1.200.000 đ	1.800.000 đ
4	Dịch tễ - Sức khỏe môi trường	1.200.000 đ	1.800.000 đ
5	Vì sinh - Hóa sinh - Huyết học	1.400.000 đ	2.100.000 đ
6	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	1.200.000 đ	1.800.000 đ
7	Các phương pháp can thiệp của công tác xã hội	1.200.000 đ	1.800.000 đ

Lưu ý:

- *Mức thu trên áp dụng đối với lớp có từ 20 học viên/1 môn trở lên.*
- *Lớp có từ 10-20 học viên: hệ số thu thêm của học phí là 1,3 lần/1 môn.*
- **Lớp có từ 01-09 học viên:** *Tùy theo kế hoạch và mức thu học phí theo quy định trong thông báo của Trường tại thời điểm dự kiến mở lớp..*

*** Đối với thí sinh thi tuyển trình độ Tiến sĩ:**

- Kinh phí hồ sơ: 100.000đ/1 hồ sơ.
- Kinh phí đăng ký xét tuyển hồ sơ: 200.000đ/1 thí sinh
- Kinh phí Hội đồng xét tuyển: 5.000.000đ/thí sinh

Ghi chú: Học phí ôn thi (nếu thí sinh có đăng ký ôn thi) và lệ phí thi được nộp trước khi nộp hồ sơ tại phòng Tài chính – Kế toán (phòng A206 – tầng 2 nhà A) hoặc chuyển khoản theo thông tin:

Tên tài khoản: Trường Đại học Y tế công cộng

Số tài khoản: 1260165552 Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Ba Đình

Nội dung nộp tiền: Họ và tên, Ngày tháng năm sinh, kinh phí thi tuyển sinh ngành....môn... (Ví dụ: Nguyễn Văn A, 12/01/1985, thi tuyển sinh Ths YTCC_tên môn)

1.4. Mức học phí dự kiến năm học 2025-2026 tại Trường Đại học Y tế công cộng:

Mức học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP

1.5. Thời gian và địa điểm thi tuyển/ xét tuyển

- Thời gian thi tuyển Thạc sĩ, chuyên khoa I YTCC và chuyên khoa II TCQLYT:
Dự kiến đợt 1 từ ngày 15-17/8/2025. Kết quả trúng tuyển dự kiến sẽ công bố trong vòng 01 tháng kể từ ngày thi tuyển.
Các đợt thi tuyển tiếp theo sẽ được tổ chức cho đến khi đủ chỉ tiêu. Thời gian cụ thể sẽ được thông báo trên các kênh thông tin tuyển sinh của Trường theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.
- Thời gian xét tuyển Tiến sĩ: **Dự kiến đợt 1 ngày 08-12/9/2025.** Kết quả trúng tuyển dự kiến sẽ công bố trong vòng 01 tháng kể từ ngày xét tuyển.
Các đợt xét tuyển tiếp theo sẽ được tổ chức cho đến khi đủ chỉ tiêu. Thời gian cụ thể sẽ được thông báo trên các kênh thông tin tuyển sinh của Trường theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.
- Địa điểm thi/xét tuyển: Trường Đại học Y tế công cộng – Số 1A Đức Thắng, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

1.6. Điều kiện trúng tuyển

1.6.1. Điều kiện trúng tuyển với đối tượng dự thi tiến sĩ

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt các yêu cầu về hồ sơ, các tiêu chí dự tuyển và đạt tối thiểu 5 điểm tại hội đồng xét tuyển đề cương đầu vào. Căn cứ chỉ tiêu sẵn có đã được thông báo, điểm xét tuyển của từng thí sinh, hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển cho từng ngành theo nguyên tắc lấy điểm từ trên cao cho đến khi hết chỉ tiêu.

- Trường hợp thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- ✓ Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;

- ✓ Thí sinh có thâm niên công tác nhiều hơn liên quan đến lĩnh vực chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Đối với thí sinh xét tuyển Tiến sĩ Quản lý bệnh viện: Thí sinh có kinh nghiệm làm việc nhiều hơn trong lĩnh vực quản lý liên quan đến chăm sóc sức khỏe;
- ✓ Thí sinh có nhiều hơn số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí thuộc danh mục tạp chí do Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận tính tại thời điểm công bố

1.6.2. Điều kiện trúng tuyển với đối tượng dự thi Chuyên khoa II TCQLYT

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt tối thiểu 50% của thang điểm mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có)
- Điểm xét tuyển là điểm môn chuyên ngành cộng điểm ưu tiên (nếu có) , điểm môn tiếng Anh cộng điểm ưu tiên (nếu có) là môn điều kiện. Căn cứ chỉ tiêu sẵn có đã được thông báo, điểm xét tuyển và điểm điều kiện của từng thí sinh, hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển cho từng ngành theo nguyên tắc lấy điểm từ trên cao cho đến khi hết chỉ tiêu.
- Trường hợp thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:
- ✓ Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;
- ✓ Người được miễn thi Tiếng Anh;
- ✓ Người có điểm cao hơn của môn Tiếng Anh;

- Các trường hợp phát sinh khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định

1.6.3. Điều kiện trúng tuyển với đối tượng dự thi Chuyên khoa I YTCC

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt tối thiểu 50% của thang điểm mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có)
- Điểm xét tuyển là tổng điểm 2 môn dự thi (Chuyên ngành + Toán thống kê và điểm ưu tiên (nếu có). Căn cứ chỉ tiêu sẵn có đã được thông báo và điểm xét tuyển của từng thí sinh, hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển cho ngành theo nguyên tắc lấy điểm từ trên cao cho đến khi hết chỉ tiêu.
- Trường hợp thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- ✓ Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;
- ✓ Người có điểm cao hơn của môn chuyên ngành;
- Các trường hợp phát sinh khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

1.6.4. Điều kiện trúng tuyển với đối tượng dự thi Thạc sĩ

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt tối thiểu 50% của thang điểm mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có)
- Điểm xét tuyển là điểm môn chuyên ngành cộng điểm ưu tiên (nếu có) , điểm môn tiếng Anh cộng điểm ưu tiên (nếu có) là môn điều kiện. Căn cứ chỉ tiêu

sẵn có đã được thông báo, điểm xét tuyển và điểm điều kiện của từng thí sinh, hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển cho từng ngành theo nguyên tắc lấy điểm từ trên cao cho đến khi hết chỉ tiêu.

- Trường hợp thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

- ✓ Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;
- ✓ Người được miễn thi Tiếng Anh;
- ✓ Người có điểm cao hơn của môn Tiếng Anh;
- Các trường hợp phát sinh khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

2. Hồ sơ tuyển sinh:

- Hồ sơ đăng ký dự tuyển đựng trong phong bì hồ sơ A4
- Bìa hồ sơ (*Mẫu số 01*)
- Các giấy tờ trong túi hồ sơ đầy đủ, xếp theo thứ tự được liệt kê ở bìa túi hồ sơ:
 1. Phiếu đăng ký dự thi sau đại học (*Mẫu số 02 đối với dự thi Thạc sĩ, CKI, CKII; Mẫu số 03 đối với dự thi Tiến sĩ*).
 - Thí sinh nộp 01 bộ hồ sơ bằng bản giấy theo mục hồ sơ tuyển sinh về Trường Đại học Y tế công cộng đúng hạn.
 2. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và đóng dấu giáp lai (thời gian không quá 6 tháng tính đến thời điểm dự thi) (*Mẫu số 4 - đối với đối tượng dự thi Thạc sĩ, CKI, CKII, tiến sĩ*).
 3. Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ sau:
 - a. Bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học.
 - b. Bằng tốt nghiệp thạc sĩ, bằng điểm thạc sĩ.
 - c. Chứng minh thư nhân dân/ căn cước công dân.
 - d. Các văn bằng tiếng Anh theo qui định (để làm căn cứ xét miễn thi).
 - e. Các chứng chỉ bổ sung các môn học theo quy định (nếu thuộc diện phải bổ túc kiến thức chuyên ngành).
 4. Đối với thí sinh dự thi CKI YTCC và CKII TCQLYT là công chức, viên chức, hồ sơ cần có Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có) hoặc đơn cam kết học tự nguyện của thí sinh. Đối với trường hợp thí sinh công tác trong các đơn vị an ninh, quốc phòng, hồ sơ bắt buộc cần có công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp.
 5. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe học tập, công tác của một bệnh viện đa khoa trong vòng 6 tháng trở lại.
 6. Văn bản có giá trị pháp lý về đối tượng ưu tiên (nếu thuộc diện ưu tiên).

7. 04 ảnh chụp trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển, cỡ 3x4 cm của thí sinh (ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm sinh ở mặt sau của ảnh).

8. 02 Phong bì, ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại của người nhận.

Đối với thí sinh dự tuyển tiến sĩ, hồ sơ bao gồm như mục 2 và bổ sung thêm các mục sau:

9. Lý lịch khoa học có dán ảnh và đóng dấu giáp lai (thời gian không quá 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng kí xét tuyển) (*Mẫu số 05*).

10. Minh chứng thâm niên công tác và kinh nghiệm quản lý (nếu có) (do cơ quan quản lý trực tiếp xác nhận) .

11. 05 Quyển Đề cương nghiên cứu (xem chi tiết trên website của Trường tại đường link: <https://dtdh.huph.edu.vn/vi/node/64260>)

12. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

13. Minh chứng về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: Bản kê các danh mục công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố trên các tạp chí khoa học kèm theo bản photocopy các công trình đó.

14. Công văn của đơn vị cử tham gia dự thi Nghiên cứu sinh.

Lưu ý:

1. *Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được nộp kèm theo văn bản công nhận (có tính pháp lý) của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục, Bộ GD&ĐT.*

2. *Thí sinh tải và sử dụng các biểu mẫu của hồ sơ tại địa chỉ:*

<https://huph.edu.vn/sites/qldt/c/thong-bao>

3. *Thí sinh chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, phù hợp của hồ sơ.*

4. *Thí sinh tự túc chỗ ở trong thời gian ôn thi và dự thi tại trường.*

IV. THỜI HẠN VÀ ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ:

1. Thời hạn nộp hồ sơ: 8h00-16h30 từ ngày 03/03/2025 đến ngày 13/06/2025 (*trừ Thứ 7, Chủ Nhật và các ngày Lễ, Tết nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại trường*).

2. Cách thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Trường Đại học Y tế công cộng hoặc qua đường bưu điện (thời gian nộp hồ sơ được tính theo dấu bưu điện).

3. Địa điểm nhận hồ sơ

Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng A114 - Tầng 1- Nhà A- Trường Đại học Y tế công cộng, Số 1A Đức Thắng, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: 024. 6266 2335; Fax: 024. 6266 2385

Email: dtsdh@huph.edu.vn; Website: <https://tuyensinh.huph.edu.vn/>

PHỤ LỤC

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

*(Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

T T	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL do Bộ GD và ĐT công nhận tại QĐ số 925/QĐ- BGD&ĐT ngày 31/03/2023	B1	B2
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как	ТРКИ-1	ТРКИ-2

		иностранному		
--	--	--------------	--	--

Lưu ý: Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các Trường Đại học tại Việt Nam cấp theo Thông báo của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 17/04/2024 về danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Danh sách có thể cập nhật theo Thông báo mới của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công Thương
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự

STT	Tên đơn vị
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM
22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29	Đại học Kinh tế TP. HCM
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Trường Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học viện Ngân hàng